

## **ĐA DẠNG HỆ THỰC VẬT VÀ TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC Ở XÃ SỸ BÌNH, HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN**

**LÊ NGỌC CÔNG**

*Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên*

**CHỮ KHOA VÂN TRANG**

*Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Yên Bái*

**ĐÀO THẾ TRUNG**

*Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang*

Sỹ Bình là xã vùng cao nằm ở phía bắc huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn, có diện tích đất tự nhiên là 2.713 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 1.071ha. Dân số có 1.710 người phân bố ở 11 thôn gồm 5 dân tộc là: Tày, Nùng, Dao, Kinh, Hoa. Từ năm 1993, Nhà nước đã giao rừng cho các hộ dân quản lí và bảo vệ, do đó người dân được hưởng lợi từ rừng, được khai thác rừng để phục vụ cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên, do đời sống người dân còn nhiều khó khăn, sự quản lý của địa phương vẫn còn nhiều hạn chế dẫn tới tài nguyên rừng bị khai thác cạn kiệt. Hệ thống giao thông đi lại còn khó khăn, cơ sở y tế chưa được đầu tư thỏa đáng nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Vì vậy, khi có bệnh họ thường dựa vào các ông lang, bà mế với sản phẩm thuốc và kinh nghiệm sử dụng thuốc từ cây cỏ. Do khai thác nguồn tài nguyên cây thuốc chưa có quy hoạch, chủ yếu là tự phát nên dẫn tới nhiều loài thảo dược giảm sút về số lượng, một số loài cây thuốc quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Trong nội dung bài báo này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu đa dạng hệ thực vật và nguồn tài nguyên cây thuốc ở khu vực xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn nhằm góp phần bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc của địa phương.

### **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật bậc cao có mạch nói chung và thực vật làm thuốc nói riêng ở xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

#### **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp lập tuyến điều tra, thu, xử lý và bảo quản mẫu thực vật được thực hiện theo Hoàng Chung (2008)[4], Nguyễn Nghĩa Thìn (2008)[6].

- Xác định tên khoa học các loài thực vật bằng phương pháp hình thái so sánh theo Danh lục các loài thực vật Việt Nam của Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) (2003, 2005) và một số sách chuyên khảo liên quan[2,7]. Xác định các loài cây thuốc quý hiếm theo Sách Đỏ Việt Nam, 2007 (phần thực vật)[1].

- Sử dụng phương pháp phỏng vấn người dân và các ông lang, bà mế làm nghề bốc thuốc ở địa phương thuộc các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Kinh, Hoa, kết hợp với tra cứu công dụng của các loài thực vật làm thuốc theo các tài liệu của Võ Văn Chi (2012)[3], Đỗ Tất Lợi (1999)[5], Viện Dược liệu (2006)[7].

### **II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Đa dạng hệ thực vật**

Kết quả điều tra bước đầu đã thống kê được 416 loài, 282 chi, 95 họ, thuộc 5 ngành thực vật thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài, chi, họ, chiếm số lượng lớn nhất với 397 loài (chiếm 95,44% tổng số loài), 268 chi (chiếm 95,04%), 75

họ (chiếm 89,41%). Các ngành Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) chiếm số lượng không đáng kể, ngành Cỏ thắp bút (Equisetophyta) chiếm tỉ lệ thấp nhất, chỉ có 1 họ, với tỉ lệ 1,11%; 1 chi, chiếm 0,35%; 2 loài, chiếm 0,48%. Kết quả thành phần các taxon được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1

**Sự phân bố các họ, chi, loài trong các ngành thực vật**

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thông đất (Lycopodiophyta)	2	2,11	2	0,71	3	0,72
Cỏ thắp bút (Equisetophyta)	1	1,11	1	0,35	2	0,48
Dương xỉ (Polypodiophyta)	5	5,26	9	3,19	11	2,64
Thông (Pinophyta)	2	2,11	2	0,71	3	0,72
Ngọc lan (Magnoliophyta)	75	89,41	268	95,04	397	95,44
<b>Tổng số</b>	<b>95</b>	<b>100,0</b>	<b>282</b>	<b>100,0</b>	<b>416</b>	<b>100,0</b>

**2. Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc**

Trong số 416 loài thực vật điều tra được ở khu vực nghiên cứu, chúng tôi đã xác định loài cây có giá trị làm thuốc gồm 289 loài, 217 chi, 81 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Kết quả được ghi ở bảng 2.

Bảng 2

**Thành phần các bậc taxon cây thuốc ở khu vực nghiên cứu**

Ngành	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thông đất (Lycopodiophyta)	2	2,47	2	0,92	2	0,69
Cỏ thắp bút (Equisetophyta)	1	1,23	1	0,46	2	0,69
Dương xỉ (Polypodiophyta)	4	4,94	6	2,76	7	2,42
Thông (Pinophyta)	1	1,23	1	0,46	1	0,35
Ngọc lan (Magnoliophyta)	73	90,13	207	95,4	277	95,85
<b>Tổng số</b>	<b>81</b>	<b>100,0</b>	<b>217</b>	<b>100,0</b>	<b>289</b>	<b>100,0</b>

Số liệu ở bảng 2 cho thấy ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất với 277 loài (chiếm 95,85% tổng số loài cây thuốc đã ghi nhận được), 207 chi (chiếm 95,4%), 73 họ (chiếm 90,13%); tiếp sau đó là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 7 loài (chiếm 2,42%), 6 chi (chiếm 2,76%) thuộc 4 họ (chiếm 4,94%). Các ngành còn lại có số lượng không đáng kể là Thông đất (Lycopodiophyta), Cỏ thắp bút (Equisetophyta) đều có 2 loài (0,69%) và ngành Thông (Pinophyta) chỉ có 1 loài (0,35%).

Kết quả phân tích thực vật làm thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) được trình bày trong bảng 3.

Từ bảng 3 cho thấy lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 241 loài (chiếm 87% tổng số loài), 179 chi (chiếm 86,47% tổng số chi) và 61 họ (chiếm 83,56% số họ). Lớp Hành (Liliopsida) có số lượng thấp hơn với 36 loài (chiếm 13% tổng số loài), 28 chi (chiếm 15,53% số chi) và 12 họ (chiếm 16,44% số họ). Điều này đã khẳng định ngành Ngọc lan

(Magnoliophyta) nói chung và lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) nói riêng đóng vai trò chủ đạo và đặc trưng của khu hệ thực vật vùng nhiệt đới.

Bảng 3

**Số lượng họ, chi, loài cây thuốc trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)**

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	61	83,56	179	86,47	241	87,0
Lớp Hành (Liliopsida)	12	16,44	28	13,53	36	13,0
<b>Tổng số</b>	<b>73</b>	<b>100,0</b>	<b>207</b>	<b>100,0</b>	<b>277</b>	<b>100,0</b>

**3. Đa dạng về dạng thân cây**

Trong khu vực nghiên cứu đã xác định được 289 loài cây thuốc thuộc 4 dạng thân chính. Dạng thân thảo có số lượng chiếm ưu thế với 103 loài (chiếm 35,64%), tiếp theo là dạng thân bụi có 81 loài (chiếm 28,03%), dạng thân gỗ có 75 loài (chiếm 25,95%), ít nhất là dạng thân leo, bò có 30 loài (chiếm 10,38%).

**4. Đa dạng về số loài cây thuốc chữa trị các bệnh**

Kết quả nghiên cứu về đa dạng các loài cây thuốc sử dụng chữa trị các bệnh hoặc các công dụng khác được thể hiện trong bảng 4.

Bảng 4

**Sự đa dạng về số loài cây thuốc chữa trị các bệnh**

TT	Các bệnh	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Bệnh về gan (thanh nhiệt, giải độc...)	38	13,15
2	Bệnh xương khớp (phong thấp, gãy xương, bong gân...)	35	12,11
3	Bệnh ngoài da (mụn nhọt, lở, ngứa...)	33	11,42
4	Bệnh về thận (sỏi thận, lợi tiểu...)	33	11,42
5	Bệnh về tiêu hóa (ăn không tiêu, đầy hơi...)	32	11,07
6	Bệnh về đường hô hấp (ho, phổi...)	31	10,72
7	Bệnh phụ nữ (điều kinh, lợi sữa...)	30	10,38
8	Bệnh cảm sốt	18	6,22
9	Bồi bổ cơ thể	16	5,54
10	Bệnh về tim mạch (giảm huyết áp, xơ vữa động mạch, suy tim,...)	15	5,19
11	Do rắn cắn	11	3,81
12	Bệnh rối loạn do chuyển hóa (tiểu đường)	6	2,08
13	Thuốc tẩy giun	6	2,08
14	Thuốc tắm trẻ em	5	1,72
15	Bệnh đàn ông	2	0,69
16	Bệnh về răng, miệng	2	0,69

Số liệu bảng 4 cho thấy, số loài cây thuốc chữa bệnh gan chiếm tỉ lệ cao nhất với 38 loài chiếm 13,15%, tiếp đến là cây thuốc chữa bệnh về xương khớp có 35 loài chiếm tỉ lệ 12,11%, số loài chữa bệnh ngoài da và bệnh thận đều có 33 loài (chiếm 11,42%), chữa bệnh về tiêu hóa có 32 loài (chiếm 11,07%), chữa bệnh về đường hô hấp và bệnh phụ nữ lần lượt chiếm tỷ lệ

10,72% và 10,38%. Thấp nhất là số loài chữa bệnh đàn ông và bệnh về răng, miệng chỉ có 2 loài (chiếm 0,69%).

### 5. Đa dạng các loài cây thuốc quý hiếm có tên trong Sách Đỏ Việt Nam

Kết quả ở bảng 5 cho thấy có 7 loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Trong đó có 1 loài ở mức rất nguy cấp (CR) là Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon*), 1 loài nguy cấp (EN) là Sến mật (*Madhuca pasquieri*). Còn lại là các loài trong tình trạng sắp nguy cấp (VU). Vì vậy các cấp chính quyền địa phương cần quan tâm có các giải pháp bảo tồn và khai thác bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc phục vụ cho việc bảo vệ sức khỏe của người dân.

Bảng 5

Các loài cây thuốc quý hiếm trong Sách Đỏ Việt Nam ở khu vực nghiên cứu

TT	Tên khoa học	Tên họ	Tên Việt Nam	SĐVN 2007
1	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Opiliaceae	Rau sắng	VU
2	<i>Strychnos ignatii</i> Berg.	Loganiaceae	Mã tiền lông	VU
3	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	Lauraceae	Re hương	CR
4	<i>Madhuca pasquieri</i> H.J.Lam	Sapotaceae	Sến mật	EN
5	<i>Stephania dielsiana</i> C.Y.Wu	Menispermaceae	Củ dòm	VU
6	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Myrsinaceae	Lá khô	VU
7	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze ex. Mett.) J. Smith.	Polypodiaceae	Cốt toái bổ	VU

### III. KẾT LUẬN

1. Hệ thực vật ở xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn khá phong phú, bước đầu đã xác định được 416 loài, 282 chi, 95 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế cả về số loài (397 loài, chiếm 95,44%), số chi (268 chi, chiếm 95,04%) và số họ (75 họ, chiếm 89,41%).

2. Đã xác định được 289 loài thực vật làm thuốc thuộc 217 chi, 81 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) phong phú nhất với 277 loài, chiếm 95,85%. Tính đa dạng của cây thuốc còn thể hiện ở dạng thân cây, có 4 dạng chính là thân thảo có số loài cao nhất (103 loài, chiếm 35,64%), sau đó là thân bụi, thân gỗ, thấp nhất là dạng thân leo, bò (30 loài, chiếm 10,38%).

3. Đã xác định được số loài cây thuốc chữa trị được 14 nhóm bệnh phổ biến, trong đó có 38 loài (chiếm 13,15%) chữa bệnh về hô hấp, bệnh về xương khớp có 35 loài (chiếm 12,11%), chữa bệnh ngoài da, bệnh thận đều có 33 loài (chiếm 11,42%).... Ít nhất là cây thuốc chữa bệnh đàn ông và bệnh về răng, miệng (2 loài, chiếm 0,69%).

4. Tại khu vực nghiên cứu có 7 loài cây thuốc được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007). Trong đó có 1 loài ở mức rất nguy cấp (CR), 1 loài nguy cấp (EN), các loài còn lại trong tình trạng sắp nguy cấp (VU). Tỉnh Bắc Kạn cần có giải pháp nghiên cứu, bảo tồn các loài cây thuốc quý hiếm để đáp ứng nhu cầu chữa bệnh của nhân dân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần II- Thực vật), Nxb. KKTN&CN, Hà Nội.
2. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
3. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội, tập 1, 2.
4. **Hoàng Chung**, 2008. Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. **Đỗ Tất Lợi**, 1999. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.
6. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. **Viện Dược liệu**, 2006. Tài nguyên cây thuốc Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.

## **FLORAL DIVERSITY AND MEDICINAL PLANTS IN SY BINH COMMUNE, BACH THONG DISTRICT, BAC KAN PROVINCE, VIETNAM**

**LE NGOC CONG, CHU KHOA VAN TRANG, DAO THE TRUNG**  
SUMMARY

Present work documents the floral diversity and medicinal plants of the Sy Binh commune, Bach Thong district, Bac Kan province. We have initially identified 416 species belonging to 282 genera, 95 families of 5 divisions: Lycopodiophyta (3 species, 2 genera, 2 families); Equisetophyta (2 genera, 1 genus, 1 family); Polypodiophyta (11 species, 9 genera, 5 families); Pinophyta (3 species, 2 genera, 2 families) and Magnoliophyta (397 species, 268 genera, 75 families).

We also identified 289 medicinal plant species belonging to 217 genera, 81 families of 5 divisions. Magnoliophyta was found the richest with 277 species (95.85%). Highest number of species were herbs (103 species, 35.64%), followed by shrubs and trees. Lowest diversity was found in vines (30 species, 10.38%).

Several species of medicinal plants were identified which are able to cure 14 disease groups. Among these, 7 species are listed in the 2007 Vietnam Red Data Book.